TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HS-ST
Ngày: 22/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Ngọc Thành
2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2023/TLST-HS ngày 07/9/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Vũ Thị Q, sinh năm 1992, tại xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H và bà Bùi Thị T; chồng là Quách Minh Q; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1990, Cư trú tại thôn X, xã M, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1991; Cư trú tại thôn P, xã C, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.(có đơn đề nghị xử vắng mặt)

** Người làm chứng*: Anh Quách Minh Q; Bùi Hữu T2; Nguyễn Đ T3; Đỗ Thị H2; Phạm Tiến D2; Lê Thị T4; Lương Việt N2 (Hữu N2); Bùi Thị T5; Trần Ngọc V2; Phạm Thị T6; Trần Văn S2; Nguyễn Thị H2; Nguyễn Quang N3; Phạm Thị B2; Nguyễn Đình P2; Trịnh Thị Thu H3; Vương Thị X2.(đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị Q mở cửa hàng chuyên kinh doanh và sửa chữa thiết bị điện tử …có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 04D8004595 do Phòng tài chính kế hoạch - Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương cấp ngày 13/5/2022 (BL116). Quá trình kinh doanh, Q có nhập các thiết bị, linh kiện máy tính, văn phòng …từ các Công ty (viết tắt CT) gồm: (1) CT Cổ phần máy tính V; (2) CT cổ phần Công nghệ T; (3) CT Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (viết tắt TNHHMTV) thiết bị văn phòng SHD; (4) CT Cổ phần xuất nhập khẩu Cs; (5) Chi nhánh CT cổ phần vận tải và thương mại CPN Việt Nam tại Hải Dương; (6) CT Cổ phần công nghệ và thương mại dịch vụ Vs. Các CT này đều có địa chỉ trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Trong quá trình kinh doanh, Q nhận thấy có một số khách hàng mua hàng nhưng không lấy hóa đơn nên Q đã nảy sinh ý định bán hóa đơn giá trị gia tăng không kèm theo hàng hóa để thu lời bất chính.

Trong khoảng thời gian từ ngày 13/4/2023 đến ngày 07/6/2023. Anh Đặng Văn T1 sinh năm 1990 cư trú tại thôn X, xã M, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương và anh Lê Minh Đ, sinh năm 1991, cư trú tại thôn L, xã C, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đều là người quen biết từ trước với Q có hỏi mua hóa đơn giá trị gia tăng không kèm theo hàng hóa và đề nghị ghi người mua là CT Trách nhiệm hữu hạn (viết tắt TNHH) Xây dựng và cơ điện Danh Phát VINA và CT TNHH Bảo An 689; Q đã đồng ý và thỏa thuận thu từ 8-9% trên tổng số tiền ghi trong hóa đơn.

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 07/6/2023, anh Đ đến cửa hàng máy tính A; địa chỉ thôn G, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương của bị cáo để trả số tiền 900.000 đồng là tiền mua hóa đơn giá trị gia tăng của Q trước đó thì bị lực lượng Công an huyện Thanh Hà cùng với Công an xã T kiểm tra, phát hiện lập biên bản vi phạm. Thu giữ của Q 01 điện thoại di động Iphone 11 màu trắng lắp sim số 09853636xx và số tiền 1.000.000đ; thu giữ của anh T1 số tiền 100.000đ là tiền thừa do Q trả lại và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1807 màu hồng không gắn sim. Qúa trình điều tra anh Đ tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A83 màu hồng không gắn sim.

Thủ đoạn phạm tội như sau: Q sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng, số Imei 356577104623423 lắp sim số 09853636xx đăng nhập vào ZALO tên "Ánh Q máy tính A" để liên hệ với người mua hóa đơn, thu thập thông tin của người mua hàng hoặc CT mua hàng, số lượng, chủng loại hàng hóa, số tiền ghi trên hóa đơn sau đó Q liên hệ với các chị Bùi Thị T5; Phạm Thị T6; Nguyễn Thị 2; Lê Thị T4; Nguyễn Thị Thu H3; Vương Thị X2 là kế toán, nhân viên kinh

doanh của các CT có tên nêu trên xin xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Vì trước đó Q có nhập hàng của các CT nhưng không lấy hóa đơn nên khi Q đề xuất, kế toán của các Công ty trên đã đồng ý xuất hóa đơn. Sau khi nhận được hóa đơn điện tử dưới dạng File PDF, Q chuyển qua tin nhắn Zalo cho anh T1 và anh Đ, sau đó anh T1 và anh Đ đã nhờ các anh chị Bùi Hữu T2, Nguyễn Đức T3, Đỗ Thị H2 chuyển trả tiền vào tài khoản số 2308205131243 của Q tại Ngân hàng Agribank và tài khoản số 17988988xx của anh Q1 (chồng Q) tại Ngân hàng MB bank. Các lần mua bán hóa đơn giá trị gia tăng không kèm hàng hóa cụ thể như sau:

- Ngày 13/4/2023 bán cho anh Đặng Văn T1 01 hóa đơn số 000012xx của CT máy tính V, số tiền được hưởng lợi 880.000 đồng

- Ngày 19/4/2023 bán cho anh Đ 02 hóa đơn số 00001443 của CT Cổ phần Công nghệ L và hóa đơn số 238 của CTTNHHMTV thiết bị văn phòng SHD, số tiền được hưởng lợi 1.556.000 đồng

- Ngày 28/4/2023 bán cho T1 02 hóa đơn số 145 của CT Cổ phần xuất nhập khẩu Cs và hóa đơn số 274 của CT TNHHMTV thiết bị văn phòng SHD, số tiền được hưởng lợi 1.945.000 đồng.

- Ngày 15/5/2023 bán cho anh Đ 02 hóa đơn số 370 của Chi nhánh CT Cổ phần vận tải và TM CPN Việt Nam tại Hải Dương và hóa đơn số 000003xx của Chi nhánh CT cổ phần Công nghệ thương mại dịch vụ Vs với tổng số tiền được hưởng lợi 2.057.000đ. Cùng ngày bán cho T1 02 hóa đơn số 371 của Chi nhánh CT Cổ phần Vận tải và thương mại Cổ phần Công nghệ Việt Nam tại HD và hóa đơn 000003xx của CT Cổ phần công nghệ thương mại và dịch vụ Vs, số tiền được hưởng lợi 1.745.000 đồng.

Ngày 02/6/2023 bán cho anh T1 01 hóa đơn số 00002025 của CT Cổ phần công nghệ T , số tiền được hưởng lợi 980.000 đồng.

Ngày 07/6/2023 bán cho Đ 01 hóa đơn số 422 của Chi nhánh CT Cổ phần Vận Tải và thương mại CPN Việt Nam tại HD, số tiền được hưởng lợi 900.000 đồng.

Tổng số hóa đơn giá trị gia tăng bán trái phép là 11 hóa đơn, trong đó **03** hóa đơn giá trị gia tăng của CT CPVT & TM CPN Việt Nam; **02** hóa đơn giá trị gia tăng của CT Cổ phần công nghệ T; **02** hóa đơn gía trị gia tăng của CT trách nhiệm hữu hạn một thành viên thiết bị văn phòng SHD; **02** hóa đơn giá trị gia tăng của CT cổ phần công nghệ dịch vụ Vs; **01** hóa đơn giá trị gia tăng của CT cổ phần máy tính V; **01** hóa đơn giá trị gia tăng của CT cổ phần xuất khẩu Cs (T1 mua 06 hóa đơn; Đ mua 05 hóa đơn). Tổng giá trị hàng hóa ghi trong hóa đơn **125.785.909 đồng**, Q được hưởng lợi bất chính số tiền **10.063.000 đồng**. Các hóa đơn trên T1 và Đ đã sử dụng để thanh toán với CT TNHH xây dựng và cơ điện D VINA và CT TNHH A 689**.**

Tại phiên toà: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; đã giao nộp biên

lai nộp toàn bộ số tiền để khắc phục hậu quả; tự nguyện sung quỹ nhà nước số tiền nộp thừa và bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Q phạm tội Mua bán trái phép hoá đơn. Áp dụng điểm khoản 1 Điều 203; điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền đối với bị cáo Q từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.063.000 đồng tiền thu lợi bất chính đối trừ số tiền bị cáo đã bị thu giữ và số tiền bị cáo đã nộp, số tiền thừa trả lại cho bị cáo; ghi nhận tự nguyện sung quỹ nhà nước số tiền bị cáo nộp thừa. Vật chứng: Tịch thu 01 điện thoại của Q; trả lại điện thoại cho anh T1 và anh Đ, trả lại số tiền 100.000 cho anh T1... Về án phí: Bị cáo Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 13/4/2023 đến ngày 07/6/2023, Vũ Thị Q bán trái phép cho anh Đặng Văn T1 06 số hóa đơn giá trị gia tăng và anh Lê Minh Đ 05 số hóa đơn giá trị gia tăng (tổng số 11 hóa đơn).Tổng giá trị hàng hóa ghi trong hóa đơn 125.785.909 đồng, đều không kèm háng hóa để T1 và Đ hợp thức hàng hóa đầu vào làm chứng từ thanh toán với Công ty TNHH Xây dựng & Cơ điện D VINA và Công ty TNHH A 689. Q thu lợi bất chính số tiền 10.063.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức việc mua bán trái phép hoá đơn không kèm theo hàng hóa để thu lợi bất chính là xâm phạm hoạt động quản lý Tài chính của Nhà nước nhưng vì vụ lợi đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Với số lượng hóa đơn giá trị gia tăng mà Q đã bán trái phép 11 số hóa đơn đã ghi nội dung (từ 10 đến dưới 30 số), đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái

phép hoá đơn theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, Đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả và ủng hộ quỹ xã hội tự thiện của địa phương nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nhân thân tốt và nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, cần phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bị phạt hình phạt chính là phạt tiền, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng, biện pháp tư pháp: 01 điện thoại Iphone của Q là công cụ thực hiện tội phạm, cần tịch thu sung quỹ nhà nước. 02 điện thoại di động thu của anh T1 và Đ vì hành vi mua số lượng hóa đơn của anh Đ và T1 chưa đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự, cần trả lại cho anh T1 và anh Đ. Số tiền 1.100.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ, trong đó thu của Q số tiền 1.000.000 đồng thì có 900.000 đồng là tiền thu lợi bất chính cần tịch thu sung quỹ nhà nước; trả lại Q số tiền 100.000 đồng nhưng được đối trừ với tổng số tiền thu lợi bất chính. Trước khi xét xử bị cáo Q đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 10.063.000 đồng tiền thu lợi bất chính tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà. Cần tịch thu sung quỹ nhà nước được đối trừ với số tiền đã bị thu giữ, bị cáo đã nộp thừa số tiền 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện không nhận lại, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo sung quỹ nhà nước số tiền nộp thừa.

- Số tiền 100.000 đồng thu của anh T1 là tiền thừa do Q trả lại, số tiền này không phải là tiền thu lợi bất chính, cần trả lại cho anh T1.

[8] Các vấn đề khác:

- Đối với anh Đặng Văn T1 là người mua trái phép 06 số hóa đơn, anh Lê Minh Đ là người mua trái phép 05 số hóa đơn giá trị gia tăng không kèm hàng hóa. Với số lượng hóa đơn của từng người thì chưa đủ số lượng theo quy định khoản 1 Điều 203 của Bộ luật hình sự, nên không phải chịu trách nhiệm hình. Việc mua hóa đơn hợp thức hóa hàng hóa không rõ nguồn gốc để làm chứng từ thanh toán với CT TNHH A 689 và CT TNHH xây dựng & cơ điện D VINA. Hành vi này là hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn quy định tại khoản 1 Điều 28, Nghị định

số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định xử phạt hành chính của Cơ quan thuế, hóa đơn. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Hà đã có Công văn đề nghị Chi cục thuế khu vực Nam Thanh xử lý vi phạm theo thẩm quyền, đảm bảo đúng quy định.

- Đối với CT TNHH A 689 do ông Lê Xuân B – Chức vụ giám đốc là người đại diện theo pháp luật và CT TNHH xây dựng & cơ điện D VINA do ông Vũ Tiến Q3 – Chức vụ giám đốc là người đại diện theo pháp luật. 02 CT này thỏa thuận mua hàng hóa của anh T1 và anh Đ. Không biết anh T1 và anh Đ mua hóa đơn trái phép để thanh toán, khi thanh toán thấy đúng số lượng, chủng loại, đơn giá đã trả tiền mua hàng cho anh T1, Đ. 02 CT chưa kê khai hóa đơn giá trị gia tăng với Cơ quan thuế, chưa gây thiệt hại gì cho ngân sách nhà nước nên chưa đủ căn cứ xử lý đối với 02 CT này.

- Đối với các CT gồm:

1) CT Cổ phần máy tính V do ông Trần Ngọc V5 - Chức vụ giám đốc là đại diện theo pháp luật; bà Phạm Thị T6 - kế toán.

2) CT cổ phần Công nghệ T do ông Phan Tiến D5 - Chức vụ giám đốc là người đại diện theo pháp luật; bà Lê Thị T4 - kế toán.

3) CT TNHH một thành viên thiết bị văn phòng SHD do ông Trần Văn S5– Chức vụ giám đốc là người đại diện theo pháp luật; bà Nguyễn Thị H2 – kế toán

4) CT Cổ phần xuất nhập khẩu Cs do ông Nguyễn Quang N5 – Chức vụ giám đốc là người đại diện theo pháp luật; bà Phạm Thị B2 – kế toán.

5) Chi nhánh CT cổ phần vận tải và TM CPN Việt Nam tại Hải Dương do ông Lương Việt N5 (Lương Hữu N5) - Chức vụ giám đốc là người đại diện theo pháp luật; bà Bùi Thị T5 – kế toán.

6) CT Cổ phần công nghệ và thương mại dịch vụ Vs do ông Nguyễn Đình P5 – Chức vụ giám đốc là người đại diện theo pháp luật; bà Nguyễn Thị Thu H3 – kế toán; bà Vương Thị X2 – nhân viên kinh doanh.

Do trước đó Q có nhập hàng từ các CT này nhưng chưa nhận hóa đơn giá trị gia tăng tại thời điểm nhập hàng. Tuy giữa Q và các CT không có hợp đồng mua bán hàng hóa nhưng xác định việc mua bán hàng hóa giữa các CT nêu trên và Q là có thật (có phiếu thu và phiếu xuất kho tại các BL 277; 278; 317; 318; 319; 320; 353; 354; 400; 401; 421; 422; 464; 465; 466; 467). Sau đó, theo yêu cầu của Q, Các CT đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho 02 CT TNHH A 689 và CT TNHH xây dựng & cơ điện D VINA. Khi xuất hóa đơn, các CT này không được bàn bạc và không được hưởng lợi gì từ việc Q bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng. Các CT này đều đã thực hiện kê khai và báo cáo thuế theo quy định. Tuy nhiên việc lập và xuất hóa đơn chậm, muộn không đúng tên người mua hàng và thời gian bán hàng, đã vi phạm Điều 24, Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của

Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. Do sự việc xảy ra trên địa bàn thành phố Hải Dương thuộc thẩm quyền lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính của Cơ quan thuế. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Hà đã có Công văn đề nghị Chi cục Thuế Thành phố Hải Dương và Cục thuế tỉnh Hải Dương xử lý theo thẩm quyền là đúng pháp luật.

- Đối với các chị Bùi Thị T5; Phạm Thị T6; Nguyễn Thị H2; Lê Thị T4; Nguyễn Thị Thu H3; Vương Thị X2; Phạm Thị B2 là kế toán và nhân viên kinh doanh của các CT nêu trên đồng thời là người xuất hóa đơn theo đề nghị của Q. Khi xuất hóa đơn các chị không được bàn bạc, không được hưởng lợi từ việc bán trái phép hóa đơn của Q nên chưa đủ căn cứ xử lý.

- Đối với việc kinh doanh của Vũ Thị Q có giấy phép nhưng là hộ kinh doanh cá thể, nhỏ lẻ. Q không đăng ký kê khai thuế nên không có hành vi vi phạm về Trốn thuế.

- Đối với anh Quách Minh Q1 (chồng bị cáo). Việc bị cáo Q sử dụng tài khoản của anh Q1 để nhận tiền chuyển khoản từ việc bán hóa đơn trái phép. Anh Q1 không biết, không được bàn bạc trao đổi nên không có căn cứ xử lý đối với anh Q1.

- Đối với các anh chị Bùi Hữu T2, Nguyễn Đức T3, Đỗ Thị H2 là những người mà anh Đ, T1 nhờ chuyển trả tiền hộ khi mua hóa đơn. Các anh chị đều không biết việc Đ, T1 nhờ chuyển tiền liên quan đến hành vi mua bán trái phép hóa đơn nên không đủ căn cứ xử lý đối với các anh chị T2, T3, H2.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 203; các điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35; Bộ luật hình sự; Điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị Q phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn.

[2]. Xử phạt:

- Phạt tiền nộp một lần số tiền 70.000.000 đồng (*Bấy mươi triệu đồng*) đối với bị cáo Vũ Thị Q sung quỹ nhà nước.

[3]. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Xử lý vật chứng; Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại động iphone 11 màu trắng, số Imei 356577104623423, số sim 09853636xx;

- Biện pháp tư pháp:

Trả lại cho anh T1 số tiền 100.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1807 màu hồng không gắn sim; số Imei1 8608230427747xx; số Imei2 8608230427747xx.

Trả lại cho anh Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A83 màu hồng không gắn sim; số Imei1 8676090306164xx; số Imei2 8676090306164xx.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 10.063.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà theo biên lai thu số AA/2020/0001542 ngày 13/9/2023 do anh Quách Minh Q1 (nộp thay Q).

- Ghi nhận sự tự nguyện sung quỹ nhà nước số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo Q.

(*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà ngày 21/9/2023)*

[4]. Về án phí: Bị cáo Vũ Thị Q bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Bộ phận HSNV- Công an huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh HD;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hoài